**PHỤ LỤC 2**

**BIỂU MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI SỔ KẾ TOÁN**

***1. Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số S1-HKD)***

a) Sổ này áp dụng cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được mở theo từng sản phẩm, hàng hóa đã bán hoặc dịch vụ đã cung cấp được khách hàng thanh toán tiền ngay hay chấp nhận thanh toán.

b) Căn cứ và phương pháp ghi sổ

- Cột A: Ghi ngày tháng kế toán ghi sổ.

- Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày tháng của chứng từ dùng để ghi sổ.

- Cột D: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Cột 1,2,3: Ghi số lượng, đơn giá và số tiền của khối lượng hàng hóa (sản phẩm, dịch vụ) đã bán hoặc đã cung cấp.

- Cột 4: Ghi các khoản thuế (Thuế GTGT, thuế TTĐB..) phải nộp tính trên doanh số bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán hoặc dịch vụ đã cung cấp.

- Cột 5: Ghi số phải giảm trừ vào doanh thu (nếu có) như: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán.,,,

Sau khi cộng ”Số phát sinh”, tính chỉ tiêu ”Doanh thu thuần” ghi vào cột 3.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ:................**  **Bộ phận:................** | **Mẫu số S1-HKD**  *(Ban hành theo Thông tư số .../2020/TT-BTC ngày .../.../2020 của*  *Bộ Tài chính*) |

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

Năm:..........................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ | | | Các khoản tính trừ | |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Các khoản giảm trừ doanh thu |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Cộng số phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ..

*Ngày … tháng … năm …*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh** |
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
|  |  |

***2. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số S2-HKD)***

a) Hộ kinh doanh phải mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa để theo dõi về tình hình nhập, xuất, tồn các loại hàng tồn kho như vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa của Hộ kinh doanh .

b) Thông tin, số liệu trên sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa đối chiếu với kết quả kiểm kê để xác định hàng tồn kho có bị thừa, thiếu so với thực tế hay không.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ:................**  **Bộ phận:................** | **Mẫu số S2-HKD**  *(Ban hành theo Thông tư số .../2020/TT-BTC*  *ngày .../.../2020 của Bộ Tài chính*) |

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Năm ……

Tên hàng tồn kho...........................................

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ | | Diễn giải | Nhập | Xuất | Tồn | Ghi chú |
| Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 |
|  |  | Số dư đầu kỳ |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Cộng trong kỳ |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

*Ngày … tháng … năm …*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh** |
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| + Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày tháng của các chứng từ kế toán được sử dụng để ghi chép vào sổ kế toán. Các chứng từ kế toán là Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,....  + Cột C: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh để phục vụ cho việc rà soát, kiểm tra, đối chiếu các thông tin về hàng tồn kho khi cần thiết.  + Cột 1, 2, 3: Ghi tương ứng số lượng hoặc giá trị hàng tồn kho nhập, xuất và tồn kho. | |

***3. Sổ theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN (Mẫu số S3-HKD)***

a) Hộ kinh doanh phải mở sổ theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước để theo dõi các khoản mà Hộ kinh doanh phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào ngân sách nhà nước trong đó mỗi loại thuế (thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân,thuế TTĐB...) phải được theo dõi chi tiết riêng.

b) Thông tin, số liệu trên sổ theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN làm căn cứ để cơ quan thuế xác định hộ kinh doanh có nộp đúng, nộp đủ và kịp thời các khoản thuế vào NSNN theo quy định của pháp luật thuế hay không.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ:................**  **Bộ phận:................** | **Mẫu số S3-HKD**  *(Ban hành theo Thông tư số .../2020/TT-BTC*  *ngày .../.../2020 của Bộ Tài chính*) |

**SỔ THEO DÕI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN**

Loại thuế:.....................

Năm: ................

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ | | Diễn giải | Số thuế phải nộp | Số thuế đã nộp | Ghi chú |
| Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 |
|  |  | Số dư đầu kỳ |  |  |  |
|  |  | Số phát sinh trong kỳ |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  | Cộng số phát sinh trong kỳ |  |  |  |
|  |  | Số dư cuối kỳ |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: …

*Ngày … tháng … năm …*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh** |
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Sổ theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN để theo dõi chi tiết tình hình thanh toán các khoản thuế mà Hộ kinh doanh phải nộp nhà nước theo quy định của pháp luật thuế. Hộ kinh doanh phải mở sổ này chi tiết cho từng sắc thuế như thuế GTGT, thuế TNCN,...

+ Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày tháng của các chứng từ kế toán được sử dụng để ghi chép vào sổ kế toán. Các chứng từ kế toán có thể là các tờ khai thuế, giấy nộp tiền thuế vào NSNN kèm theo Phiếu chi tiền mặt hoặc giấy báo Nợ của ngân hàng,....

+ Cột C: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh để phục vụ cho việc rà soát, kiểm tra, đối chiếu các thông tin về các khoản phải nộp, đã nộp và còn phải nộp NSNN về các khoản thuế khi cần thiết.

+ Cột 1: Phản ánh số thuế mà Hộ kinh doanh phải nộp NSNN theo quy định của pháp luật thuế. Chứng từ kế toán để ghi chép vào chỉ tiêu này tùy thuộc vào sắc thuế mà Hộ kinh doanh phải nộp nhà nước. Ví dụ số thuế GTGT phải nộp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ sẽ căn cứ vào tổng số doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trên sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (chi tiết theo từng hoạt động) nhân với tỷ lệ % thuế GTGT theo quy định của pháp luật thuế GTGT đối với từng hoạt động. Đối với số thuế TNCN phải nộp NSNN sẽ căn cứ vào tổng cộng cột 16 Bảng thanh toán tiền lương và thu nhập của người lao động,...

+ Cột 2: Phản ánh số thuế mà Hộ kinh doanh đã nộp vào NSNN. Chứng từ kế toán để ghi chép vào chỉ tiêu này là giấy nộp tiền thuế vào NSNN kèm theo Phiếu chi tiền mặt hoặc giấy báo Nợ của ngân hàng.

***4. Sổ theo dõi tình hình thanh toán tiền lương và các khoản nộp theo lương của người lao động (Mẫu số S4-HKD)***

a) Hộ kinh doanh phải mở sổ theo dõi tình hình thanh toán các khoản tiền lương và các khoản thu nhập cho người lao động để theo dõi các khoản tiền lương và các khoản thu nhập mà hộ kinh doanh phải trả, đã chi trả và còn phải trả cho người lao động.

b) Thông tin trên sổ theo dõi tình hình thanh toán các khoản tiền lương và các khoản thu nhập cho người lao động của Hộ kinh doanh làm căn cứ để cơ quan thuế xác định nghĩa vụ thuế TNCN của người lao động trong Hộ kinh doanh với NSNN đồng thời làm căn cứ để cơ quan BHXH xác định tình hình hoàn thành nghĩa vụ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN,... của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

c) Biểu mẫu, căn cứ và phương pháp ghi chép Sổ theo dõi tình hình thanh toán các khoản tiền lương và các khoản nộp theo lương cho người lao động.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ:................**  **Bộ phận:................** | **Mẫu số S4-HKD**  *(Ban hành theo Thông tư số .../2020/TT-BTC*  *ngày .../.../2020 của Bộ Tài chính)* |

**SỔ THEO DÕI TÌNH HÌNH THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

**VÀ CÁC KHOẢN NỘP THEO LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Năm.......................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày, tháng  ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tiền lương và thu nhập của người lao động | | | BHXH | | | BHYT | | | BHTN | | | .... |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Số phải trả | Số đã trả | Số  còn phải trả | Số phải trả | Số đã trả | Số  còn phải trả | Số phải trả | Số đã trả | Số  còn phải trả | Số phải trả | Số đã trả | Số  còn phải trả |  |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
|  |  |  | - Số dư đầu kỳ  -Số phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | .......... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | - Cộng số phát sinh trong kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | - Số dư cuối kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

*Ngày … tháng … năm …*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu**  *(Ký, họ tên)* | **Người đại diện hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh**  *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Sổ theo dõi tình hình thanh toán tiền lương và các khoản nộp theo lương của người lao động được sử dụng để theo dõi chi tiết tình hình thanh toán các khoản tiền lương, các khoản nộp theo lương cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm.

+ Cột A: Ghi theo ngày, tháng mà các chứng từ kế toán về tiền lương, các khoản nộp theo lương được ghi chép vào sổ kế toán.

+ Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày tháng của các chứng từ kế toán về tiền lương, các khoản nộp theo lương sử dụng để ghi chép vào sổ kế toán. Các chứng từ kế toán là Bảng thanh toán tiền lương và thu nhập của người lao động, phiếu chi tiền mặt hoặc giấy báo Nợ của ngân hàng về thanh toán tiền lương và các khoản nộp theo lương của người lao động cho cơ quan quản lý quỹ BHXH.

+ Cột D: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh để phục vụ cho việc rà soát, kiểm tra, đối chiếu các thông tin về các khoản phải trả, đã trả và còn phải trả về tiền lương, các khoản nộp theo lương khi cần thiết.

+ Cột 1, 2, 3: Phản ánh số phải trả, số đã trả và còn phải trả người lao động về tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động. Căn cứ để ghi vào các cột 1,2, 3 là số liệu tương ứng tại các cột số 11, 17, 18 của Bảng thanh toán tiền lương và thu nhập của người lao động.

+ Cột 4, 5, 6: Phản ánh số phải trả, số đã trả và còn phải trả người lao động về BHXH của người lao động. Căn cứ để ghi vào cột 4 là số liệu tại cột số 12 của Bảng thanh toán tiền lương và thu nhập của người lao động. Số liệu để ghi vào cột 5 là các Phiếu chi tiền mặt hoặc Giấy báo Nợ của ngân hàng về nộp các khoản BHXH cho cơ quan quản lý quỹ. Cột 6 là chênh lệch số liệu giữa cột 4 và cột 5.

+ Cột 7, 8,9: Phản ánh số phải trả, số đã trả và còn phải trả người lao động về BHYT của người lao động. Căn cứ để ghi vào cột 7 là số liệu tại cột số 13 của Bảng thanh toán tiền lương và thu nhập của người lao động. Số liệu để ghi vào cột 8 là các Phiếu chi tiền mặt hoặc Giấy báo Nợ của ngân hàng về nộp các khoản BHYT cho cơ quan quản lý quỹ. Cột 9 là chênh lệch số liệu giữa cột 7 và cột 8.

+ Cột 10, 11, 12: Phản ánh số phải trả, số đã trả và còn phải trả người lao động về BHTN của người lao động. Căn cứ để ghi vào cột 10 là số liệu tại cột số 14 của Bảng thanh toán tiền lương và thu nhập của người lao động. Số liệu để ghi vào cột 11 là các Phiếu chi tiền mặt hoặc Giấy báo Nợ của ngân hàng về nộp các khoản BHTN cho cơ quan quản lý quỹ. Cột 12 là chênh lệch số liệu giữa cột 10 và cột 11.